

Số: /GP-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2418/QĐ-UBND ngày 07/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy may xuất khẩu Thiên Nam Thanh Hoá tại xã Hà Đông, huyện Hà Trung của Công ty TNHH May Thiên Nam;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 16/CVMT-TN ngày 11/3/2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may xuất khẩu Thiên Nam Thanh Hoá; Công văn số 18/CVMT-CNTN ngày 22/4/2024 của Công ty TNHH May Thiên Nam về việc giải trình hoàn thiện hồ sơ và đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án Nhà máy may xuất khẩu Thiên Nam Thanh Hoá (giai đoạn 1) tại xã Hà Đông, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 728/TTr-STNMT ngày 03 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH May Thiên Nam, địa chỉ tại: km số 3, đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, Quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Nhà máy may xuất khẩu Thiên Nam Thanh Hoá (giai đoạn 1) tại xã Hà Đông, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Nhà máy may xuất khẩu Thiên Nam Thanh Hoá (giai đoạn 1).

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Hà Đông, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: Mã số doanh nghiệp 0200593607 đăng ký lần đầu ngày 22/06/2004; đăng ký thay đổi lần thứ 6, ngày 29/09/2022 do Phòng đăng ký kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

1.4. Mã số doanh nghiệp/mã số thuế: 0200593607

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, kinh doanh hàng dệt may xuất khẩu.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích: 40.000m² (giai đoạn 1 là 32.861 m²; giai đoạn 2 là 7.139 m²).
Đã hoàn thiện cơ sở hạ tầng cho giai đoạn 1.

- Công suất giai đoạn 1: 2,5 triệu sản phẩm may mặc/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH May Thiên Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH May Thiên Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi

chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày 20 tháng 5 năm 2024 đến ngày 20 tháng 5 năm 2034).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Hà Trung và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH May Thiên Nam (để t/hiện);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/cáo);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Hà Trung (để theo dõi);
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công trình nhà vệ sinh 1 tầng;
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công trình nhà nghỉ ca công nhân;
- Nguồn số 03: Nước thải ăn uống từ khu nhà bếp;
- Nguồn số 04: Nước thải sản xuất phát sinh từ khu nhà giặt;
- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ nhà nồi hơi, khí nén.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: mương thoát nước chung khu vực phía Tây Bắc nhà máy.

- 01 (một) dòng nước thải sau khi xử lý tại Trạm xử lý nước thải tập trung chảy ra hệ thống mương thoát nước chung khu vực phía Tây nhà máy tại xã Hà Đông, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Vị trí xả thải:

2.2.1. Vị trí điểm đầu nối xả nước thải sau Trạm xử lý nước thải tập trung chảy ra hệ thống mương thoát nước chung khu vực phía Tây nhà máy tại xã Hà Đông, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0): X = 2211610; Y = 585909

2.2.2. Điểm xả nước thải sau xử lý đã có biển báo rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $152,4 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả thải:

- Phương thức xả thải: Tự chảy.
- Hình thức xả: Xả mặt.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40: 2011/BTNMT - Quy

chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, $K_q=0,9$; $K_f=1,1$). Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 40:2011/BTN MT (cột B, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Nhiệt độ	°C	40	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	pH	-	5,5 đến 9		
3	Chất rắn lơ lửng	mg/l	99		
4	COD	mg/l	148,5		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	9,9		
6	Màu	Pt/Co	150		
7	BOD ₅	mg/l	49,5		
8	Sắt	mg/l	4,95		
9	Cadimin	mg/l	0,099		
10	Đồng	mg/l	1,98		
11	Kẽm	mg/l	2,97		
12	Asen	mg/l	0,099		
13	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9,9		
14	Tổng Nitơ	mg/l	39,6		
15	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	5,94		
16	Sulfua (S^{2-})	mg/l	0,495		
17	Clo dư	mg/l	1,98		
18	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt từ các nguồn phát sinh số 01, 02 và 03 (bao gồm: nước thải từ bồn tiểu, bồn cầu được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại; nước thải từ nhà ăn được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ; nước thải tắm, giặt và rửa tay, chân qua hố gas,

song chắn rác) → đường ống PVC D110, HDPE D200 → Trạm xử lý nước thải tập trung, công suất 300 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải sản xuất từ các nguồn phát sinh số 04 và 05 được thu gom qua hố lắng → Đường ống HDPE D200 → Trạm xử lý nước thải tập trung, công suất 300 m³/ngày.đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ Trạm xử lý nước thải tập trung, công suất 300 m³/ngày.đêm:

Nước thải nguồn số 01, 02, 03, 04 và số 05 → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể phản ứng → Bể tạo bông → Bể lắng 1 → Bể trung gian → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng 2,3 → Bể khử trùng → Mương tiêu phía Tây Bắc nhà máy

- Công suất thiết kế: 300 m³/ngày.đêm

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAM, PAC, Cloramin B, Chế phẩm vi sinh BIO dạng bột (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung được trang bị số lượng máy móc thiết bị (máy bơm, máy thổi khí...) gấp đôi số lượng cần để vận hành như: Trang bị 02 máy bơm tại các vị trí cần lắp đặt 01 máy bơm; 02 máy thổi khí,.. để 01 máy chạy, 01 máy dự phòng khi có sự cố; lắp đặt thiết bị bảo vệ cho máy bơm, máy nén khí, máy khuấy (Zơ lơ nhiệt, Atomat, khởi động từ, phao điện, thiết bị chống mất pha, chống đảo pha...) đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; lắp đặt đèn tín hiệu, còi báo dừng hoạt động các thiết bị khi có sự cố; mua sắm thêm máy móc, thiết bị dự phòng và tập kết trong kho của Trạm xử lý để thay thế khi cần thiết.

- Vận hành các hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và xả nước thải sau xử lý.

- Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung có sự cố hoặc nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục, dừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận để thực hiện các biện pháp khắc phục như sau:

+ Nếu sự cố không đến mức nghiêm trọng, công nhân dừng vận hành hệ thống, đóng van để lưu giữ nước thải tạm thời trong các bể chứa của hệ thống xử lý nước thải và khẩn trương khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, vận hành tăng

công suất để đảm bảo xử lý được toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này trước khi xả ra mương tiêu phía Tây Bắc nhà máy.

+ Trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng phải dừng nhiều ngày để sửa chữa, thay thế thiết bị, trong khi các bể chứa nước thải của Hệ thống xử lý nước thải tập trung đã đầy, Công ty báo cáo với chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường và Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn thực hiện khắc phục sự cố. Đồng thời cho tạm dừng hoạt động công đoạn giặt để hạn chế phát sinh nước thải sản xuất cần phải thu gom, xử lý để sửa chữa, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục, sửa chữa xong, đưa hệ thống xử lý nước thải tập trung vào vận hành trở lại.

- Đối với nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung có các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn cho phép chảy ra nguồn tiếp nhận nước thải, Công ty hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Thời gian vận hành thử nghiệm là 06 tháng, kể từ ngày Nhà máy bắt đầu đi vào hoạt động vận hành thử nghiệm; thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại khoản 6, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải tập trung, công suất 300m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

Tại bể gom nước thải đầu vào và tại bể khử trùng nước thải đầu ra của Trạm xử lý nước thải tập trung, công suất 300m³/ngày.đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại mục 2.4.3, Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này và ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất đảm bảo vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom nước thải.

3.4. Lắp đặt đầy đủ biển báo, ký hiệu chỉ dẫn đối với điểm xả thải nước thải sau hệ thống xử lý ra môi trường; lắp đặt công tơ điện, đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu ra; lượng điện tiêu thụ và lượng hóa chất sử dụng,...).

3.6. Thường xuyên vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo các thông số đạt QCVN 40: 2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B, $K_q=0,9$; $K_f=1,1$).

3.7. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ hoạt động lò đốt cấp hơi.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Vị trí xả thải nằm trong khuôn viên Dự án Nhà máy may xuất khẩu Thiên Nam Thanh Hóa tại xã Hà Đông, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý của lò đốt cấp hơi số 01, cao 20m.

- Tọa độ vị trí xả khí thải theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰: X = 2211669 (m); Y = 586078 (m).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 12.000 m³/giờ.

2.3. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục (khi vận hành lò đốt cấp hơi).

2.4. Chất lượng khí thải trước khi thải ra môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 30:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp (cột B), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 30:2012/BTNMT (cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	100	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	CO	mg/Nm ³	250		
3	NO _x	mg/Nm ³	500		
4	SO ₂	mg/Nm ³	250		
5	HCl	mg/Nm ³	50		
6	Tổng các Kim loại nặng khác (As, Sb, Ni, Co, Cr, Sn, Mn, Tl, Zn) và hợp chất tương ứng	mg/Nm ³	1,2		
7	Tổng HC	mg/Nm ³	50		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh từ nguồn số 01 → Đường ống 150mm → Hệ thống xử lý khí thải lò đốt cấp hơi → Đường ống 200mm → Môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý khí thải: Ống dẫn khí thải → Cyclon khô → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Ống thải cao 20m → ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 12.000 m³/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Dung dịch sữa vôi Ca(OH)₂ (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.4 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý khí thải, nếu có dấu hiệu hỏng hóc tiến hành sửa chữa, thay thế đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

- Lập bảng ghi chú các sự cố nôi hơi có thể xảy ra trong quá trình vận hành lò hơi và phương pháp xử lý (được treo tại khu vực đặt nôi hơi).

- Trường hợp hệ thống gặp sự cố hoặc xử lý không đạt yêu cầu, dừng hoạt động của lò đốt cấp hơi để sửa chữa, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố, đưa lò đốt cấp hơi vào vận hành.

- Định kỳ hàng năm tiến hành kiểm định, hiệu chuẩn, bảo dưỡng các thiết bị của lò hơi và các hệ thống xử lý bụi, khí thải; sử dụng nhiên liệu theo đúng tiêu chuẩn cho máy phát điện dự phòng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Thời gian vận hành thử nghiệm là 06 tháng, kể từ ngày Nhà máy bắt đầu đi vào hoạt động vận hành thử nghiệm; thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại khoản 6, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý khí thải của lò đốt cấp hơi.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại thân ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò đốt cấp hơi.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm trong khí thải sau xử lý và bảo đảm các nồng độ các chất ô nhiễm đáp ứng theo yêu cầu tại Mục 2.4 Phần A của Phụ lục này trước khi thải vào môi trường.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Xả khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho phép của chất thải ô nhiễm tại Mục 2.4 Phần A của Phụ lục này.

3.2. Định kỳ hàng năm, thực hiện duy tu, bảo dưỡng thiết bị xử lý bụi, khí thải và máy phát điện dự phòng theo quy định của nhà sản xuất. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý khí thải

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm định, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc, hệ thống xử lý bụi, khí thải nôi hơi.

3.6. Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4 - Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- + Nguồn số 01: Từ hoạt động của máy bơm, máy thổi khí của Trạm xử lý nước thải tập trung.
- + Nguồn số 02: Từ hoạt động của xưởng sản xuất số 2.
- + Nguồn số 03: Từ hoạt động của nồi hơi.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí phát sinh trong khuôn viên dự án Nhà máy may xuất khẩu Thiên Nam Thanh Hoá tại xã Hà Đông, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105^0 , múi chiều 3^0 , cụ thể:

- + Tọa độ nguồn số 01: X = 2211611 (m); Y = 585907 (m).
- + Tọa độ nguồn số 02: X = 2211763 (m); Y = 585791 (m).
- + Tọa độ nguồn số 03: X = 2211606 (m); Y = 585912 (m).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ hệ thống thiết bị sản xuất, thiết bị xử lý khí thải, máy phát điện. Đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn.

1.2. Kê đệm cao su tại các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy để giảm tiếng ồn và giảm độ rung.

1.3. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu mỡ bôi trơn để giảm thiểu độ rung.

1.4. Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động phù hợp với từng vị trí làm việc như: Găng tay, quần áo bảo hộ, kính bảo hộ, nút tai chống ồn.

1.5. Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in thải có chứa thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	5
2	Mực in thải	Rắn	08 02 01	50
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	20
4	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	10
5	Bao bì nhựa cứng thải (can nhựa, thùng nhựa dính CTNH thải)	Rắn	18 01 03	15
6	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	Rắn	18 02 01	20
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	30
	Tổng			150

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bìa catton, giấy cắt mẫu, túi nilon và bao bì hỏng trong khâu đóng gói sản phẩm	71.400
2	Vải vụn, sợi len thừa	166.600
3	Tro đốt viên nén	13.728
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	23.700
	Tổng khối lượng	275.428

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	97
Tổng		97

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng chứa bằng nhựa cứng, thùng phuy dung tích 180 - 200 lít; có nắp đậy kín và dán nhãn mã số CTNH.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích 10m², bố trí trong khu nhà chứa rác thải chung của nhà máy.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu lưu chứa chất thải nguy hại có mái che kín, tường bao xung quanh, nền chống thấm, có rãnh và hố thu gom CTNH dạng lồng phòng sự cố thùng chứa, bao bì chứa bị rò rỉ, thùng vỡ. Phía bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng nhựa cứng có dung tích 120 lít và túi ni lon màu trắng để lưu giữ tại nhà chứa rác thải công nghiệp thông thường.

- Kim may và các vật sắc nhọn bằng kim loại thu gom vào các thùng nhựa hoặc kim loại có nắp đậy.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích 25m², bố trí trong công trình nhà chứa rác thải công nghiệp thông thường.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Kết cấu mái che kín, tường bao xung quanh tránh nắng và nước mưa, có biển báo đầy đủ.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí các thùng nhựa cứng có dung tích từ 5 lít đến 240 lít/thùng đặt tại các vị trí thuận lợi cho việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Không bố trí khu lưu chứa riêng chất thải sinh hoạt. Chất thải sinh hoạt thu gom vào các thùng chứa theo quy định và vận chuyển đi xử lý hàng ngày sau mỗi ca làm việc. Chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái chế lưu chứa trong khu vực chất thải công nghiệp thông thường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN THI CÔNG DỰ ÁN:

1. Các yêu cầu bảo vệ môi trường chủ cơ sở phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường: Nhà xưởng số 1, nhà vệ sinh

1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a. Trong giai đoạn thi công:

- Nước thải sinh hoạt của công nhân: Sử dụng nhà vệ sinh 01 tầng hiện có cho công nhân làm việc trên công trường, nước thải được thu gom về HTXLNT tập trung công suất 300m³ để xử lý. Ưu tiên xây dựng trước nhà vệ sinh của xưởng số 1 để công nhân sử dụng. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, Kq = 0,9; Kf = 1,1).

- Nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất tại các công trình đang hoạt động đều được thu gom và xử lý sơ bộ và dẫn về xử lý tại HTXLNT có công suất 300 m³/ngày đêm để xử lý đảm bảo nước thải được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT

- Thường xuyên khơi thông hệ thống thoát nước mưa, dọc tuyến thoát nước mưa bố trí song chắn rác; thực hiện che chắn và hạn chế vật liệu xây dựng rơi vãi trên công trường.

- Nước thải từ hoạt động rửa xe sẽ được dẫn vào 02 bể lắng cát với dung tích 2m³/bể và 02 bể tách dầu với thể tích 2 m³/bể, sau khi qua bể lắng cát và bể tách dầu, lượng nước này được tái sử dụng để tưới ẩm sân, giảm bụi khu vực công trường.

b. Trong giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất tại nhà máy được thu gom và xử lý sơ bộ và dẫn về xử lý tại HTXLNT có công suất 300 m³/ngày đêm để xử lý đảm bảo nước thải được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, Kq = 0,9; Kf = 1,1).

2.2. Về thu gom và xử lý khí thải

a. Trong giai đoạn thi công

- Các phương tiện chuyên chở vật liệu thi công phải đạt các tiêu chuẩn quy định của Cục đăng kiểm Việt Nam; che phủ bạt kín khi vận chuyển, không để rơi rớt vật liệu; không chở hàng hóa quá tải trọng cho phép.

- Phun rửa các tuyến đường vận chuyển vật liệu của dự án với tần suất 02 lần/ngày.

- Quét dọn, thu gom vật liệu, đất rơi vãi với tần suất 01 lần/ngày.

- Lắp dựng các hàng rào bằng tôn cao tối thiểu 2 m bao quanh khu vực đang thi công

b. Trong giai đoạn vận hành

- Duy trì và chăm sóc cây xanh trong nhà máy; quét dọn hàng ngày khu vực sân đường nội bộ nhà máy, phun nước trong những ngày nắng nóng, tần suất 2 lần/ngày.

- Hàng ngày vệ sinh khu vực lưu chứa rác thải tạm thời, đến khi xe vận chuyển rác đến thu gom, vận chuyển. Định kỳ hàng tuần sử dụng chế phẩm EM phun khử mùi khu vực lưu chứa tạm rác thải tạm thời và khu xử lý nước thải của dự án.

2.3. Về thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

a. Trong giai đoạn thi công

- *Đối với chất thải rắn sinh hoạt:* Trang bị 03 thùng dung tích 50 lít/thùng đặt tại khu lán trại để phân loại và lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, cuối ngày được thu gom và vận chuyển cùng rác thải sinh hoạt của nhà xưởng đang hoạt động theo hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý với tần suất 1 lần/ngày.

- *Đối với chất thải rắn xây dựng:*

- + Đối với vật liệu là đá, cát, gạch, bê tông rơi vãi: thực hiện thu gom và san lấp mặt bằng khu vực dự án.

- + Đối với sắt, thép thừa, bao bì xi măng...thu gom tập trung về khu vực lán trại công nhân để tái sử dụng hoặc bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu.

b. Trong giai đoạn vận hành

- Rác thải sinh hoạt sẽ được công nhân vệ sinh tiến hành thu gom hàng ngày. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ rác thải sinh hoạt hàng ngày theo đúng quy định.

- Rác thải sản xuất được phân loại tại nguồn và tập kết tại kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường.

- + Đối với vải thừa có thành phần từ 80% cotton trở lên được đưa về khu vực lò đốt để đốt cấp nhiệt cho nồi hơi.

- + Đối với các loại chất thải có thể tái chế: bìa carton, kim loại....được bán cho các đơn vị thu mua trên địa bàn

+ Các loại chất thải khác: hợp đồng với đơn vị có chức năng đưa đi xử lý theo quy định.

2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

a. Trong giai đoạn thi công

Các loại chất thải nguy hại được thu gom và lưu trữ trong thùng chứa chất thải 120 lít có nắp đậy kín, tại nhà chứa CTNH hiện có của nhà máy cùng với CTNH các công trình đang hoạt động

Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

b. Trong giai đoạn vận hành

- Bố trí các thùng chứa chuyên dụng đảm bảo để thu gom chất thải rắn nguy hại. Chất thải nguy hại được định kì chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Khu vực lưu chứa CTNH diện tích 10 m² đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tại khu vực lưu chứa CTNH có các thiết bị ứng phó sự cố môi trường, phòng cháy, chữa cháy.

2.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và các tác động khác:

a. Trong giai đoạn thi công:

- Lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc có tiếng ồn, độ rung cao như: máy hàn, cắt,... Không sử dụng các máy móc thi công đã cũ, hệ thống giảm âm bị hỏng vì chúng sẽ gây ra ô nhiễm tiếng ồn rất lớn. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở các thiết bị máy móc thi công.

- Quy định tốc độ của xe và máy móc khi hoạt động trong khu vực thực hiện dự án.

- Các phương tiện vận chuyển hạn chế dùng còi trong phạm vi nhà máy

- Các xe vận chuyển nguyên liệu cho dự án không vận chuyển quá tải tránh ảnh hưởng đến tuyến đường; Che chắn xung quanh khu vực công trường.

- Phối hợp với địa phương về việc khai báo tạm trú, tạm vắng của cán bộ, công nhân viên tham gia thi công dự án.

b. Trong giai đoạn hoạt động:

- Thường xuyên bảo dưỡng bôi trơn động cơ để tránh hiện tượng động cơ của máy móc thiết bị bị khô dầu khi vận hành gây ra những tiếng ồn khó chịu.

- Lắp đặt đệm chống rung bằng cao su tại chân đế, bộ máy của các thiết bị và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình.

2.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

a. Trong giai đoạn thi công:

- Sự cố cháy nổ: Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn. Trang bị 2 bình bột cứu hỏa loại 4kg tại khu vực lán trại tạm trên công trường để phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ khi thi công.

- Sự cố lún, nứt, hư hỏng công trình: Chủ dự án khảo sát, kiểm tra các công trình có nguy cơ ảnh hưởng bởi dự án trước khi thi công. Có biện pháp thi công, vận chuyển phù hợp với hiện trạng các công trình.

- Sự cố ngộ độc thực phẩm: Lựa chọn và sử dụng các thực phẩm đảm bảo chất lượng, chế biến đúng cách. Không sử dụng thực phẩm để lâu, hư hỏng để phòng ngừa ngộ độc thực phẩm.

- Sự cố ngập úng khu vực xung quanh: Thi công đúng tiến độ, đúng thiết kế xây dựng. Tránh làm rơi vãi các loại chất thải xuống hệ thống thoát nước làm tắc đường ống thoát nước của khu vực thực hiện dự án và khu vực xung quanh dự án.

- Sự cố tai nạn lao động: Trang bị đồ bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân và lập quy tắc an toàn lao động

- Sự cố tai nạn lao động: Trang bị đồ bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân và lập quy tắc an toàn lao động. Sử dụng lưới bảo hộ để phòng tránh tai nạn lao động và bụi trong hoạt động xây dựng tại các tầng cao.

- Thực hiện nghiêm các quy định phòng dịch khi có bệnh dịch phát sinh, phối hợp với chính quyền địa phương, các đơn vị chức năng trong công tác phòng chống dịch bệnh.

b. Trong giai đoạn vận hành:

- Đối với Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 300 m³/ngày đêm:

+ Vận hành Hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành;

+ Các máy móc, thiết bị phải được kiểm tra theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật, đặc biệt là các thiết bị điện;

+ Tiến hành bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa khi có hỏng hóc.

- Đối với khu vực lưu giữ chất thải: Trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại

- Đối với hệ thống thoát nước mưa chảy tràn:

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo trì hệ thống thoát nước. Khi xảy ra sự cố như: ách tắc, vỡ... tiến hành nạo vét, sửa chữa ngay trong thời gian nhanh nhất.

+ Thường xuyên kiểm tra nạo vét không để bùn đất, rác vào đường thoát nước chung của khu vực.

+ Tổ chức vệ sinh hệ thống cống rãnh, không để bùn đất, rác thải vào cống thoát nước chung khu vực.

- Đối với hạ tầng kỹ thuật cấp điện: Xây dựng hoàn thiện hạ tầng cấp điện bao gồm đường dây, trạm biến áp theo đúng thiết kế. Lắp đặt đầy đủ thiết bị chống sét, nối đất,... cho trạm biến áp. Sử dụng đường dây đảm bảo chất lượng theo đúng thiết kế được phê duyệt. Điện Lực Thanh Hóa quản lý hạ tầng kỹ thuật điện trong suốt thời gian vận hành dự án.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2. Thực hiện công trình bảo vệ môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Quyền, nghĩa vụ của chủ dự án đầu tư, cơ sở được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 47 của Luật BVMT năm 2020.

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Kiểm soát hoạt động của Trạm xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

5. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,1$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

6. Kiểm soát các thông số ô nhiễm trong khí thải bảo đảm khí thải sau xử lý đáp ứng QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, hệ số $k_p=0,9$; $k_v= 1,2$) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

7. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường

8. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

9. Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai toàn bộ Dự án. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo xin giấy phép môi trường.

10. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định;

11. Sau khi hoàn thành các hạng mục công trình của phần diện tích còn lại, Công ty TNHH May Thiên Nam có trách nhiệm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được xem xét, cấp Giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật./.